

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2025/DS-PT

Ngày: 26-02-2025

V/v tranh chấp "Bồi thường
thiệt hại về tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: Ông Trương Vĩnh Hữu;
Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 683/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp "Bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 356/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 714/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1972 (có mặt);

2. Bà Diệp Lê Hải L, sinh năm 1981;

Cùng cư trú: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện ủy quyền cho ông H và bà L: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965. Nơi cư trú: số A, ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 19/7/2023 và ngày 15/6/2024, tại phòng C)

- Bị đơn: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T1 – Chức vụ: Phó Giám

đốc Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện C (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Tổng Công ty T4.

Địa chỉ: số A, đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Lê P - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Đình T2 - Chức vụ: Giám đốc Công ty T5.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Xuân P1 – Chức vụ: Phó trưởng phòng kiểm tra- Thanh tra và pháp chế (có mặt).

2. Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện C.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng T3 - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T1 – Chức vụ: Phó Giám đốc Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện C (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Quang H và bà Diệp Lê Hải L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* *Nguyên đơn ông Nguyễn Quang H và bà Diệp Lê Hải L có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T thống nhất trình bày:*

Ông Nguyễn Quang H có phần đất diện tích 1.872 m², được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0001/QSDĐ vào ngày 30/10/2000, tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trên phần đất trên ông H có xây dựng một nhà máy xay xát lúa với diện tích nhà, xưởng là 1.635,48 m². Đến năm 2005 thì dự án công trình lưới điện 220 kv tuyến C- Vĩnh Long, do Ủy ban nhân dân huyện C là cơ quan thu hồi đất và Công ty T5 là đơn vị thi công và đường điện đi ngang qua phần đất của ông H.

Vào ngày 31/01/2005 thì giữa ông H với Hội đồng đền bù huyện C và đại diện Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Nam có lập biên bản làm việc với nội dung:

- Thông báo cho ông H biết đường điện 220 kv tuyến C- Vĩnh Long sẽ đi vào giữa phần đất của ông H. Nhà máy của ông H sẽ bị ảnh hưởng bởi hai mạch điện 220 kv với tổng diện tích đất bị thiệt hại là 1.432 m².

- Hội đồng đền bù huyện C và Ban quản lý dự án các công trình điện M đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông H toàn bộ diện tích đất bị ảnh hưởng là

1.872 m², với giá 52.000 đồng/m². Diện tích nhà, xưởng được đền bù theo quy định của Sở T6.

- Ông H phải cho điện lực thi công mạch điện 1 vào ngày 30/01/2005.

Sau khi thương lượng các bên đi đến thống nhất như sau:

- Ông H phải cho điện lực thi công mạch điện 1 vào ngày 30/01/2005.

- Ông H không đồng ý với giá đền bù 52.000 đồng/m² đối với đất chuyên dùng với lý do: Thực tế giá đất chuyên dùng trên thị trường tại thời điểm này có giá là 230.000 đồng/m².

Do không thỏa thuận về giá đền bù nên các bên lập biên bản, phía Hội đồng đền bù hứa sẽ trình phương án đền bù lên Sở Tài chính tỉnh T6 thẩm định để làm căn cứ đền bù cho ông H sau.

Tuy nhiên, sau khi thi công lưới điện xong, phía Hội đồng đền bù huyện C và Ban quản lý dự án các công trình điện M không thông báo cho ông H biết kết quả giải quyết tiền đền bù đất, nhà xưởng của ông H như thế nào. Hậu quả là hơn 17 năm qua ông H đã đi khiếu nại từ huyện đến tỉnh nhưng không có Cơ quan nào giải quyết. Trong khi đó kể từ khi lưới điện này đi qua phần đất của ông H đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của ông H cụ thể như sau:

- Do nhu cầu cải tiến công nghệ để đáp ứng tiêu chuẩn hàng hóa của thị trường, nhà xưởng cần phải nâng cấp, lắp đặt thiết bị công nghệ mới, dẫn đến chất lượng hàng hóa không đáp ứng yêu cầu của thị trường, dẫn đến việc bị mất khách hàng, đình trệ sản xuất làm cho doanh nghiệp lâm vào tình trạng nợ nần nghiêm trọng.

- Đường điện đi qua chính giữa đất làm ảnh hưởng trực tiếp đến diện tích đất 1.432 m², làm cho giá trị đất bị mất giá trị trên thị trường chuyển nhượng. Điều này làm cho ông H không thể tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng hết giá trị đất...Đề duy trì sản xuất buộc phải vay tiền bên ngoài dẫn đến doanh nghiệp C1 không lại các doanh nghiệp khác nên phải dừng hoạt động.

Từ những căn cứ trên, nay ông H và bà L yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C và Tổng Công ty T4 liên đới bồi thường thiệt hại các khoản như sau:

- Thiệt hại về nhà xưởng yêu cầu tính giá là 4.800.000 đồng/ m². Số tiền là 1.635,48 m² X 4.800.000 đồng/ m² X 60% = 4.710.128.400 đồng.

- Thiệt hại về giá đất yêu cầu tính giá là 7.110.000 đồng/ m². Số tiền là 1.827 m² X 7.110.000 đồng/ m² X 80% = 10.391.976.000 đồng.

Tổng cộng là 15.102.104.400 đồng, làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ủy ban nhân dân huyện C là ông Đỗ Thành T1 trình bày:

Ông Nguyễn Quang H có phần đất diện tích 1.872 m², được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0001/QSĐĐ vào ngày 30/10/2000, tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vào năm 2004 Nhà nước có chủ trương làm dự án công trình lưới điện 220 kv tuyến C- Vĩnh Long (mạch 1 năm 2004) và Dự án cải tạo nâng cấp đường D kv C - T (mạch 2 năm 2017) bị ảnh hưởng, nên Nhà nước có chủ trương bồi thường, hỗ trợ như sau:

* Phần tài sản bị ảnh hưởng mạch 1 được phê duyệt kinh phí 04 đợt với số tiền là 246.873.440 đồng gồm:

- Bồi thường cây trái đợt 1: 290.000 đồng.
- Hỗ trợ nhà cửa (đợt 2,3,4; diện tích 1.714,51 m²): 199.081.440 đồng.
- Hỗ trợ đất (đợt 2,3; diện tích 1.827 m²): 47.502.000 đồng.

Diện tích đất hỗ trợ cho ông H là 1.827 m² bằng với diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trên thực tế phần đất của ông H chỉ bị ảnh hưởng bởi dự án là 972,2 m².

* Phần tài sản bị ảnh hưởng mạch 2 được phê duyệt kinh phí 02 đợt với số tiền là 1.176.810.623 đồng gồm:

- Hỗ trợ nhà cửa (đợt 2; diện tích 343 m²): 742.792.575 đồng.
- Hỗ trợ đất (đợt 1,2; diện tích 403,6 m²): 432.018.048 đồng.
- Khen thưởng là 2.000.000 đồng.

* Phần hỗ trợ lại đất bị ảnh hưởng mạch 1 năm 2004 được phê duyệt với số tiền là 1.589.593.160 đồng gồm:

- Diện tích hỗ trợ $1423,4 \text{ m}^2 = 1.827 \text{ m}^2 - 403,6 \text{ m}^2$ (1.827 m^2 : diện tích đất hỗ trợ năm 2004; diện tích 403,6 m² hỗ trợ mạch 2 năm 2017).

- Đơn giá: 1.463.000 đồng/ m².
- Tỷ lệ hỗ trợ là 80%.
- Trừ số tiền 76.354.200 đồng ông H nhận hỗ trợ đất vào năm 2004.

Tổng cộng ông H đã được hỗ trợ tổng cộng là 3.013.277.223 đồng, phía ông H đã nhận 76.354.200 đồng nên còn lại số tiền là 2.936.923.023 đồng nhưng ông H không nhận.

Nay, Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H và bà L như sau:

- Về đất ông H yêu cầu nâng giá hỗ trợ đất sản xuất kinh doanh mặt tiền đường vào Xí nghiệp cơ khí cũ là 5.000.000 đồng/ m² (đơn giá được Ủy ban nhân dân tỉnh T phê duyệt là 1.463.000 đồng/ m²). Do đơn giá hỗ trợ đất của hộ ông H và các hộ khác trong khu vực bị ảnh hưởng của Dự án đã được khảo sát và tính toán theo giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường tại thời điểm thực hiện dự án và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh T thống nhất phê duyệt tại Quyết định số 2170/QĐ – UBND ngày 01/8/2016 của Ủy ban nhân dân

tỉnh T nên việc ông H yêu cầu nâng giá hỗ trợ với giá là 5.000.000 đồng/ m² là không đủ cơ sở để xem xét đề xuất điều chỉnh.

- Về nhà kho yêu cầu bồi thường theo giá hiện tại, trừ đi kinh phí bồi thường năm 2004 đã nhận. Đối với phần nhà kho và khu nhà máy của hộ ông H đã được hỗ trợ năm 2004, hộ ông H đã nhận kinh phí bồi thường do đó không xem xét điều chỉnh đơn giá và tỷ lệ hỗ trợ theo nội dung Công văn số 3238/UBND – KTTC ngày 29/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh T về chủ trương áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ cụ thể như sau:

“...Đối với các hộ đã được bồi thường nhà công trình mạch 1 năm 2004 thì không xem xét điều chỉnh đơn giá và tỷ lệ hỗ trợ do năm 2004 đã được tính toán hỗ trợ theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh T...”.

- Về bồi thường toàn bộ diện tích đất 1.827 m² ông H đã được hỗ trợ mạch 2 năm 2017 và hỗ trợ lại mạch 01 năm 2004 là 1.827 m² bằng với diện tích đất đã được cấp giấy và diện tích hỗ trợ năm 2004.

Như vậy thửa đất số 37, diện tích 1.827 m², loại đất và tài sản trên đất của ông H đã được bồi thường, hỗ trợ đúng và đủ theo các quy định, quyết định hiện hành tại thời điểm thực hiện dự án.

Do đó, việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về nhà xưởng với số tiền 4.710.128.400 đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại về quyền sử dụng đất với số tiền 10.391.976.000 đồng là không có cơ sở nên Ủy ban nhân dân huyện C không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông H và bà L.

** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện C là ông Đỗ Thành T1 trình bày:* Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện C thống nhất với ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C và không có bổ sung gì thêm.

** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty T4 là ông Nguyễn Xuân P1 trình bày:*

1- Về đơn giá bồi thường, hỗ trợ:

Công ty T5 – EVNNPT là Công ty con của Tổng Công ty T4 không đồng ý với bất kỳ đơn giá nào không do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo khoản 2 Điều 10 Nghị định số 47/2014/ NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 14/2014/ NĐ- CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực.

2- Về tỷ lệ hỗ trợ, bồi thường.

- Đối với tỷ lệ bồi thường, hỗ trợ công trình, nhà cửa, vật kiến trúc nằm trong hành lang bị hạn chế khả năng sử dụng:

+ Giai đoạn xây dựng mạch 01: Công ty T5 – EVNNPT không đồng ý với tỷ lệ bồi thường, hỗ trợ 60% đơn giá mà ông H đưa ra.

+ Giai đoạn xây dựng mạch 02: Công ty T5 – EVNNPT đồng ý giảm tỷ lệ bồi thường, hỗ trợ xuống 60% đơn giá mà ông H yêu cầu là phù hợp.

- Đối với tỷ lệ bồi thường, hỗ trợ về đất nằm trong hành lang bị chiếm dụng khoảng không, hạn chế khả năng sử dụng:

+ Giai đoạn xây dựng mạch 01: Công ty T5 – EVNNPT không đồng ý với tỷ lệ bồi thường, hỗ trợ 80% đơn giá mà ông H đưa ra.

+ Giai đoạn xây dựng mạch 02: Công ty T5 – EVNNPT đồng ý giảm tỷ lệ bồi thường, hỗ trợ xuống 80% đơn giá mà ông H yêu cầu là phù hợp.

3- Về diện tích bồi thường: Công ty T5 – EVNNPT chỉ bồi thường hỗ trợ thiệt hại đối với công trình nhà cửa, vật kiến trúc bị hạn chế khả năng sử dụng nằm trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

Nay, Công ty T5 – EVNNPT không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông H và bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 356/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang H và bà Diệp Lê Hải L yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C và Tổng Công ty T4 liên đới bồi thường thiệt hại dự án công trình lưới điện 220 kv tuyến C- Vĩnh Long với số tiền là 15.102.104.400 đồng.

2. Án phí: Ông Nguyễn Quang H và bà Diệp Lê Hải L phải chịu 123.102.104 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 111.510.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0014911 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên còn phải nộp tiếp 11.592.104 đồng tiền án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 11/10/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Quang H và bà Diệp Lê Hải L kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu kháng cáo từ hủy án sơ thẩm thành sửa án sơ thẩm theo

hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Theo quy định tại Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao thì căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường phải có hành vi xâm phạm, có thiệt hại xảy ra và thiệt hại phải có mối quan hệ nhân quả với hành vi xâm phạm. Nhận thấy việc thực hiện công trình lưới điện quốc gia là chủ trương chung của nhà nước nhằm phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng không phải hành vi xâm phạm của UBND huyện C, Tổng Công ty T4. Mặt khác ông H yêu cầu mức bồi thường thiệt hại căn cứ vào chứng thư thẩm định giá năm 2009 xác định giá trị quyền sử dụng đất, giá trị nhà xưởng là không phù hợp. Ông H, bà L kháng cáo yêu cầu bồi thiệt hại nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc có thiệt hại. Do đó kháng cáo của ông H, bà L là không có cơ sở chấp nhận. Từ đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe các đương sự trình bày ý kiến, tranh luận và ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhận định, đề nghị hướng giải quyết vụ án. Xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do nguyên đơn nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng quy định được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đúng thẩm quyền giải quyết.

[2] Về nội dung xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Quang H và Diệp Lê Hải L:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày lý do cho yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Vào năm 2017 nguyên đơn đã có khiếu nại về đơn giá đền bù đất khi thực hiện dự án công trình lưới điện 220kv tuyến C - Vĩnh Long, đến năm 2019 Ủy ban huyện C ra Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 có quy định về giá đền bù, nguyên đơn tiếp tục khiếu nại và Ủy ban huyện C giải quyết bằng Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 09/02/2021. Sau đó nguyên đơn khởi kiện Quyết định số 461 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, tại phiên tòa Ủy ban huyện C thu hồi Quyết định 461 nhưng nguyên đơn

không đồng ý và Tòa án ban hành Bản án số 03/2022/HC-ST ngày 25/01/2022. Nguyên đơn không kháng cáo bản án trên và bản án đã có hiệu lực, tuy nhiên Ủy ban huyện C không ban hành quyết định nào thay thế Quyết định 461 kéo dài đến nay làm thiệt hại cho nguyên đơn, nên Ủy ban huyện C phải có trách nhiệm bồi thường. Căn cứ tính giá đất cho yêu cầu bồi thường của nguyên đơn là Chứng thư thẩm định giá vào tháng 8/2019 của Công ty cổ phần Đ do đơn vị đề nghị thẩm định giá là Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang (có chứng thực từ bút lục 09 đến bút lục 17).

Nhận thấy, Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C và Tổng Công ty T4 liên đới bồi thường thiệt hại dự án công trình lưới điện 220 kv tuyến C- Vĩnh Long với số tiền là 15.102.104.400 đồng.

Để xem xét kháng cáo của nguyên đơn, cần xem xét đến căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại được quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự và Nguyên tắc bồi thường thiệt hại được quy định tại Điều 585 Bộ luật Dân sự cũng như Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Theo các căn cứ pháp luật này, thì không phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì không có đầy đủ các yếu tố sau đây:

Thứ nhất, nguyên đơn không đồng ý việc UBND huyện C áp giá bồi thường hỗ trợ mạch 1 cho hộ ông H theo Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 (bút lục 67) và Quyết định 461/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 (bút lục 19) của UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông H không phải là căn cứ để xác định trách nhiệm bồi thường của Ủy ban nhân dân huyện C và Tổng Công ty T4. Đại diện nguyên đơn trình bày đơn giá áp dụng bồi thường thiệt hại về đất của nguyên đơn căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá vào tháng 8/2019 của Công ty cổ phần Đ (bút lục 09-17) do Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang đề nghị thẩm định là không phù hợp. Đồng thời đối với việc Ủy ban nhân dân huyện C chậm ban hành quyết định thay thế Quyết định 461/QĐ-UBND thì nguyên đơn có quyền khiếu nại theo quy định của Luật Khiếu nại.

Thứ hai, nguyên đơn không chứng minh được có thiệt hại xảy ra là thiệt hại về vật chất theo yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể là: Thiệt hại về nhà xưởng yêu cầu tính giá là $4.800.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1.635,48 \text{ m}^2 \text{ đất} = 4.710.128.400 \text{ đồng}$. Thiệt hại về giá đất yêu cầu tính giá là $7.110.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1.827 \text{ m}^2 \text{ đất} \times 80\% = 10.391.976.000 \text{ đồng}$.

Từ phân tích trên, kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 584, Điều 585 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị định 47/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Quang H và Diệp Lê Hải L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 356/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang H và bà Diệp Lê Hải L về yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C và Tổng Công ty T4 liên đới bồi thường thiệt hại dự án công trình lưới điện 220 kv tuyến C- Vĩnh Long với số tiền là 15.102.104.400 đồng.

2. **Án phí :**

Ông Nguyễn Quang H và bà Diệp Lê Hải L phải chịu 123.102.104 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 111.510.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0014911 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên còn phải nộp tiếp 11.592.104 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Nguyễn Quang H, Diệp Lê Hải L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm số 0015955 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nguyên đơn đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Vĩnh Hữu---Nguyễn Thị Ánh P2 Đỗ Thị Minh N1

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt

